

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **143/2021/HS-PT**

Ngày: 14-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Sơn.

Bà Đinh Thị Kiều Lương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn A1 - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phan Hoàng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 56/2021/TLPT-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 727/2020/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Văn H**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1984; Tại: Đồng Nai; Nơi cư trú: tổ 3, khu phố 5, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L, Sinh năm: 1944 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1945 (đã chết); Sống chung như vợ chồng với Đặng Thị Bích T, sinh năm 1989; Có 01 con chung sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14-5-2009 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” với giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22-4-2020 đến ngày 09-6-2020.

Hiện bị cáo đang tại ngoại. (có mặt)

2/ Họ và tên: **Trần Hoàng N**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1984, tại Đồng Tháp; HKTT: ấp Phú Mỹ A, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: Lớp 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn V, sinh năm 1960 và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1961; Có vợ là Trần Thị Kiều T, sinh năm: 1988(đã ly hôn); Có 03 con sinh vào các năm 2009; 2011; 2018.

Tiền án: Ngày 30-5-2018 bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”. Thời gian thử thách 01 năm kể từ ngày 30-5-2018. Bị cáo chấp hành xong thời gian thử thách ngày 30-5-2019.

Tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22-4-2020 cho đến nay.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam. (có mặt)

3/ Họ và tên: **Nguyễn Thị Phương A**; Tên gọi khác: Mến; Sinh năm 1985, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp Bình Chánh, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1963 và bà Trần Thị H, sinh năm: 1963; Có chồng là Lý Văn V, sinh năm: 1984(đã ly hôn); có 02 con lớn sinh năm: 2012, nhỏ sinh năm: 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại. (có mặt)

4/ Họ và tên: **Nguyễn Tuấn A1**, Tên gọi khác: Tám Cọp; Sinh năm 1987, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp Thái An, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956 và mẹ là Hà Thị T, sinh năm 1947; Có vợ là Bùi Thị Cẩm H, sinh năm 1988; Có 02 (Hai)con, sinh vào các năm 2013, 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 06-9-2006, bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” với giá trị tài sản chiếm đoạt là 813.254đ (Tám trăm mười ba triệu hai trăm năm bốn nghìn đồng).

- Ngày 05-10-2018, bị Công an huyện V xử phạt 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Đánh bạc”. Chấp hành xong ngày 11-10-2018.

Bị bắt từ ngày 22-4-2020 đến ngày 09-6-2020 được tại ngoại và bị bắt lại ngày 10/4/2021 (Hiện bị cáo đang tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an huyện V) (có mặt)

5/ Họ và tên: **Trần Tuấn N1**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1983, tại Hà Nội. HKTT: Thôn Đồng Mít, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: 31, tổ 14B, khu phố 2, phường Đ, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Anh C, sinh năm: 1959 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1961; Có vợ là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1988(đã chết); Hiện sống chung như vợ chồng với Trần Thị H, sinh năm: 1991; Có 01 con sinh năm: 2011.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 13-3-2019 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 08 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Nhân thân: Ngày 28-02-2012, bị Tòa án nhân dân quận H xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành xong bản án ngày 25-9-2014.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22-4-2020 cho đến nay.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam. (có mặt)

6/ Họ và tên: **Nguyễn Thị Tuyết M**; Tên gọi khác: Không. Sinh năm 1981, tại Tây Ninh; Nơi cư trú: 113/3, tổ 40, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Kim C, sinh năm: 1951 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1951; Có chồng là Nguyễn Đỗ K, sinh năm: 1978; Có 03 con lớn nhất sinh năm: 2004 nhỏ nhất sinh năm: 2015

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23-01-2017 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 20.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Chấp hành xong bản án tháng 05-04-2019.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 22-4-2020 đến ngày 01-5-2020.

Hiện bị cáo đang tại ngoại. (có mặt)

7/ Họ và tên: **Trần Thị N2**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1979, tại Hà Nam; Nơi cư trú: 336, ấp An Chu, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H, sinh năm: 1947(Đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1953; Có chồng là Đoàn Văn T, sinh năm: 1976(đã chết) ; Có 01 con sinh năm: 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt từ ngày 22-4-2020 đến ngày 01-5-2020 được tại ngoại.

Nhân thân: ngày 29/10/2020 bị Tòa án nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “ Đánh bạc” thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2020 (Bản án số 173/2020/HSST). Bị cáo đã chấp hành xong bản án về phần hình phạt tù kể từ ngày 20/12/2020.

Bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố B bắt lại từ ngày 20/12/2020 cho đến nay (Hiện bị cáo đang bị tạm giam) (có mặt)

8/ Họ và tên: **Phan Thị V**; Tên gọi khác: không; sinh năm: 1980; Tại: Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Yên Tân, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Như V, sinh năm: 1950 và bà Đỗ Thị T, sinh năm: 1950; Có chồng là Đàm Minh Q, sinh năm: 1980; Có 03 con sinh vào các năm 2002, 2009 và 2018.

Tiền sự: không.

Tiền án: ngày 30/07/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 10.000.000đ(Mười triệu đồng) về tội “ Đánh bạc”. Chấp hành xong bản án ngày 21/05/2020.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 22-4-2020 đến ngày 01-5-2020.

Hiện bị cáo đang tại ngoại. (có mặt)

Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Trần Thị N2: Luật sư Võ Tấn L- Văn phòng luật sư H- Đoàn luật sư Đồng Nai.

- Ngoài ra còn có bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị (Tòa án không triệu tập) có lý lịch sau:

Họ và tên: **Lê Đức T**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1991, tại Đồng Nai; HKTT: ấp 2, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: ở trọ tại khu

phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: thợ sơn; Trình độ học vấn: Lớp 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê M, sinh năm: 1964 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1964; Chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22-4-2020 cho đến nay.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 22-4-2020, Hoàng Thị S điện thoại cho Nguyễn Duy N1 (Nam SẮC) để hỏi tìm địa điểm cho S và bạn của S đánh bạc. Sau khi nghe điện thoại của S, Nguyễn Duy N1 đã nảy sinh ý định tìm địa điểm cho nhóm của S thực hiện đánh bạc để thu tiền hưởng lợi bất chính. Để thực hiện hành vi phạm tội, Nam mượn căn hộ A2.07.07 Chung cư Sơn An (thuộc khu phố 3, phường Tam Hòa, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) do người đàn ông tên Hà (Chưa rõ lai lịch) thuê, sử dụng để làm địa điểm đánh bạc.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, các đối tượng gồm Nguyễn Thị Phương A (Mén), Nguyễn Tuấn A1 (Tám Cọp), Trần V1 (Bé), Nguyễn Văn H, Trần Hoàng N, Hoàng Thị S, Trần Tuấn N1, Trần Thị N2, Vũ Thanh V2, Phạm Thị Ánh N3, Nguyễn Diệu T1, Dương Thị Kim H1, Lê Đức T, Nguyễn Thị Tuyết M, Trần Văn T2, Sú A K, Phan Thị V và một số người (không rõ lai lịch) đến căn hộ trên bắt đầu tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức “Tài Xỉu”.

Cách thức đánh bạc như sau:

Hình thức đánh bạc “Tài Xỉu” như sau: Người cầm cái sẽ tự chuẩn bị 01 bộ dụng cụ gồm: 03 hột xí ngầu, 01 cái chén, 01 cái nắp bằng nhựa, một bìa Cartoon được chia làm 02 ô “Tài” và “Xỉu”. Người cầm cái sẽ bỏ 03 hột xí ngầu vào chén, úp nắp nhựa lên chén và cầm xóc lên xuống nhiều lần rồi đặt xuống, những người tham gia đánh bạc sẽ tự đặt tiền vào ô “Tài” hoặc ô “Xỉu”. Nếu 03 mặt phía trên của hột xí ngầu có tổng số điểm từ 03 đến 10 điểm gọi là “Xỉu” thì người cầm cái sẽ thắng những người đặt cược bên “Tài” và thua cược bên “Xỉu”. Nếu 03 mặt phía trên của hột xí ngầu có tổng số điểm từ 11 đến 18 điểm gọi là “Tài” thì người cầm cái sẽ thắng những người đặt cược bên “Xỉu” và thua cược bên “Tài”. Trường hợp có 03 mặt trên của hột xí ngầu cùng có số từ số 4

đến 6 (444, 555, 666) thì gọi là “Bão” bên “Tài” thì người cầm cái sẽ thắng toàn bộ số tiền của bên ô “Xiu” và hòa tiền với bên ô “Tài; còn từ số 1 đến số 3 (111, 222, 333) gọi là Bão bên “Xiu” thì người cầm cái sẽ thắng toàn bộ số tiền của bên ô “Tài” và hòa tiền với bên ô “Xiu. Khi có ván “Bão” thì người cầm cái phải đưa tiền xâu cho Nguyễn Duy N1 với số tiền là 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng).

Những người cầm cái tự quy định với nhau là chỉ được cầm cái 1 giờ (còn gọi là 1 ca), khi hết 1 ca sẽ thay người khác cầm cái. Quá trình đánh bạc cụ thể như sau:

*** Ca thứ nhất từ 14 giờ đến 15 giờ:**

Nguyễn Thị Phương A mang theo 92.700.000đ (Chín mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Phương A, Nguyễn Tuấn A1 và Trần V1 bàn bạc cùng nhau hùn tiền (mỗi người 15.000.000đ) để làm cái đánh bạc thắng thua với các con bạc, thỏa thuận như sau: Phương A ứng trước 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) để làm cái và sẽ chia đều tiền thắng thua, Trần V1 đem theo 01 bộ dụng cụ lắc “Tài Xiu” (xí ngẫu) và trực tiếp lắc cái, Tuấn A1 thanh toán tiền thắng thua với các con bạc.

Những người tham gia đánh bạc trực tiếp thắng thua với Phương A, Tuấn A1 và Trần V1 gồm:

- Lê Đức T mang theo 11.091.000đ (Mười một triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng) dùng để đánh bạc và thắng được 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- Vũ Thanh V2 mang theo 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) dùng để đánh bạc và thua hết.

- Trần Văn T2 mang theo 5.000.000đ (Năm triệu đồng), dùng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc, không thắng không thua.

- Sú A K (Kiều) mang theo 25.137.000đ (Hai mươi lăm triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng), dùng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) đặt cược và thua hết. Còn 24.937.000đ (Hai mươi bốn triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng) không dùng đánh bạc bị thu giữ trong người khi bị bắt.

- Ngoài ra còn có một số người (không rõ lai lịch) tham gia đánh bạc nhưng không rõ thời gian tham gia đánh bạc và số tiền dùng để đánh bạc.

Mỗi ván có khoảng 06-10 người tham gia, mỗi người đặt cược từ 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) đến 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), tổng số tiền đặt cược mỗi ván từ 1.000.000đ (Một triệu đồng) đến 5.000.000đ (Năm

triệu đồng). Phương A, Trần V1 và Tuấn A1 làm cái đến 15 giờ cùng ngày thì nghỉ không cầm cái nữa và cũng không tiếp tục đánh bạc. Quá trình làm cái, Phương A, V1 và Tuấn A1 thua số tiền là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Phương A lấy lại số tiền 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng). Khi bị bắt, công an thu giữ của Phương A số tiền 86.700.000đ (Tám mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) trong đó có 39.000.000đ dùng đánh bạc (bao gồm tiền ứng trước cho Tuấn A1 và Trần V1) và 47.700.000đ (Bốn mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) không dùng đánh bạc; Thu giữ trong người Trần V1 số tiền 11.177.000 đồng (Mười một triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) không dùng đánh bạc.

Duy N1 được hưởng lợi từ việc cho mượn địa điểm với số tiền là 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng).

Như vậy số tiền dùng vào việc đánh bạc của Phương A, Trần V1, Tuấn A1, Vũ Thanh V2, Lê Đức T, Trần Văn T2, Sú A K và một số người khác (không rõ nhân thân, lai lịch) là 57.291.000đ (Năm mươi bảy triệu hai trăm chín mươi một nghìn đồng).

*** Ca thứ hai từ 15 giờ đến 16 giờ:**

Nguyễn Văn H mang theo 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) và dùng 80.000.000 đồng để đánh bạc; Trần Hoàng N mang theo 7.150.000đ (Bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) để đánh bạc. H và Hoàng N cùng nhau hùn tiền làm cái đánh bạc thắng thua với các con bạc với tổng số tiền là 87.150.000đ (Tám mươi bảy triệu một trăm năm mươi đồng). Hoàng N đem theo 01 bộ dụng cụ lắc “Tài Xỉu” (xí ngẫu) và trực tiếp lắc cái, H thanh toán tiền thắng thua với các con bạc.

Những người tham gia đánh bạc trực tiếp thắng thua với H và Hoàng N gồm:

- Trần Tuấn N1 và Hoàng Thị S thỏa thuận mỗi người bỏ ra 10.000.000đ (Mười triệu đồng), tổng cộng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để đánh bạc, N1 là người trực tiếp đặt cược và ứng 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) ra trước để đánh bạc, quá trình đánh bạc N1 và S thua hết 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

- Sau khi thay người cầm cái, Lê Đức T còn số tiền là 12.091.000đ (Mười hai triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng) và tiếp tục sử dụng để đánh bạc. Khi bị bắt thì T thắng được 1.000.000đ (Một triệu đồng), thu giữ trong người T 13.091.000đ (Mười ba triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng).

- Nguyễn Diệu T1: mang theo 5.000.000đ (Năm triệu đồng), cho N2 vay 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), T1 sử dụng 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc và thua hết.

- Phạm Thị Ánh N3 mang theo và sử dụng 2.274.000đ (Hai triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) để đánh bạc, thua 1.000.000đ (Một triệu đồng), còn lại 1.274.000đ (Một triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) bị thu giữ trong người khi bị bắt.

- Nguyễn Thị Tuyết M mang theo và sử dụng 2.051.000đ (Hai triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng) để đánh bạc, thua 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng), còn lại 251.000đ (Hai trăm năm mươi một nghìn đồng) bị thu giữ trong người khi bị bắt.

- Dương Thị Kim H1 mang theo 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) để đánh bạc và thua hết.

- Trần Thị N2 mang theo 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) và vay của Nguyễn Diệu Thu 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc và thua hết.

- Trần Văn T2 mang theo số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), đã sử dụng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc và thua hết. Khi bị bắt thu giữ trong người T2 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) không dùng đánh bạc.

- Phan Thị V mang theo 360.000đ (Ba trăm sáu mươi nghìn đồng) để đánh bạc, thua 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), còn lại 260.000đ (Hai trăm sáu mươi nghìn đồng) bị thu giữ trong người khi bị bắt.

- Ngoài ra còn có một số người (không rõ lai lịch) tham gia đánh bạc nhưng không rõ thời gian tham gia đánh bạc và số tiền dùng để đánh bạc.

Mỗi ván có khoảng 10-12 người tham gia, mỗi người đặt cược từ 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) đến 1.000.000đ (Một triệu đồng), tổng số tiền đặt cược mỗi ván từ 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) đến 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Quá trình làm cái, H và Hoàng N thua số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Duy N1 được hưởng lợi số tiền của nhóm đánh bạc ca hai là 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng).

Như vậy số tiền dùng vào việc đánh bạc của Nguyễn Văn H, Trần Hoàng N, Hoàng Thị S, Trần Tuấn N1, Trần Thị N2, Phạm Thị Ánh N3, Nguyễn Diệu T1, Dương Thị Kim H1, Lê Đức T, Trần Văn T2, Nguyễn Thị Tuyết M, Phan Thị

V và một số người (không rõ nhân thân, lai lịch) là 131.076.000đ (Một trăm ba mươi một triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, khi Nguyễn Văn H và đồng phạm (nhóm ca 2) đang tham gia đánh bạc thì bị Công an phường T kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

* Vật chứng thu giữ:

- Dụng cụ dùng đánh bạc bằng hình thức lặc “Tài” - “Xiu” : 01 tấm cartoon giấy kích thước 40x80cm trên mặt kẻ 02 ô tài xiu, có viết tắt T là (Tài), X là (Xiu); 02 (hai) đĩa; 12 (mười hai) hột xí ngầu; 01 (một) nắp đậy bằng nhựa mặt ngoài quấn băng keo màu đen dùng để lặc xí ngầu.

- Số tiền dùng vào việc đánh bạc, thu giữ trong người của các con bạc là 113.226.000đ (Một trăm mười ba triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng), gồm:

- + Nguyễn Duy N1: 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng).
- + Nguyễn Thị Phương A: 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng).
- + Lê Đức T: 13.091.000đ (Mười ba triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng).
- + Nguyễn Văn H: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).
- + Trần Hoàng N: 7.150.000đ (Bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).
- + Nguyễn Thị Tuyết M: 251.000đ (Hai trăm năm mươi một nghìn đồng).
- + Phạm Thị Ánh N3: 1.274.000đ (Một triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).
- + Phan Thị V: 260.000đ (Hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

*** Tài sản không liên quan đến việc phạm tội hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đang tạm giữ là 289.924.000đ (Hai trăm tám mươi chín triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng) gồm:**

- + Nguyễn Duy N1: 51.600.000đ (Năm mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).
- + Nguyễn Thị Phương A: 47.700.000đ (Bốn mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng).
- + Trần V1: 11.177.000đ (Mười một triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). (Bút lục 218)

+ Sù A Kíu: 24.937.000đ (Hai mươi bốn triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

+ Trần Văn T2: 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Nguyễn Văn H: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

+ Hoàng Thị S: 50.010.000đ (Năm mươi triệu không trăm mười nghìn đồng), 200 EURO.

*** Vật chứng và xử lý vật chứng vụ án:** *Cấp sơ thẩm đã xử lý đúng quy định.*

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 727/2020/HS-ST ngày 31/12/2020 của TAND thành phố B:

- Áp dụng điểm b khoản 2 điều 321, điểm s khoản 1 điều 51, điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (Áp dụng thêm điểm h khoản 1 điều 52 BLHS 2015 đối với bị cáo Trần Hoàng N và Phan Thị V; Áp dụng thêm điểm n khoản 1 điều 51, điều 54 BLHS 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị Phương A; Áp dụng thêm khoản 2 điều 51 BLHS 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M, Trần Thị N2 và Phan Thị V):

-xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn H 05 (Năm) năm tù.

-xử phạt: bị cáo Trần Hoàng N 04 (Bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

-xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Phương A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

-xử phạt: bị cáo Nguyễn Tuấn A1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

-xử phạt: bị cáo Trần Tuấn N1 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù.

-xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù.

-xử phạt: bị cáo Trần Thị N2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

-xử phạt: bị cáo Phan Thị V 01 (Một) 04 (Bốn) tháng tù.

-xử phạt: bị cáo Lê Đức T 03(Ba) năm tù. (Bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị).

Các bị cáo đều bị xử phạt về tội “Đánh bạc”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt chính, hình phạt bổ sung đối với các bị cáo khác xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Vào các ngày 06, 07, 11/01/2021, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Phương A, Nguyễn Văn H, Nguyễn Tuấn A1, Phan Thị V, Trần Hoàng N kháng cáo xin hưởng án treo; các bị cáo Trần Tuấn N1, Trần Thị N2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo, tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét.

- *Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đồng thời xử phạt bị cáo H 05 (Năm) năm tù; bị cáo N 04 (Bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Phương A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Tuấn A1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo N1 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù; bị cáo M và bị cáo N2 mỗi bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo V 01 (Một) 04 (Bốn) tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H cung cấp đơn có xác nhận của chính quyền địa phương, thể hiện bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, có cha lớn tuổi thường xuyên đau ốm, vợ bị cáo không có việc làm, bị cáo có con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình; Bị cáo N cung cấp đơn có xác nhận của chính quyền địa phương, thể hiện bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo có 03 con nhỏ (bị cáo đã ly hôn với vợ), có mẹ lớn tuổi thường xuyên đau ốm, bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo Phương A cung cấp đơn có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đã ly hôn và đang là lao động chính trực tiếp nuôi con nhỏ. Đây là các tình tiết mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 đề nghị HĐXX áp dụng và chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Ngoài ra, trong vụ án này các bị cáo V, Nguyệt tham gia đánh bạc với số tiền không lớn nên đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V và bị cáo N2.

Đối với bị cáo Tuấn A1 trong thời gian xét xử phúc thẩm lại tiếp tục phạm tội mới, thể hiện thái độ xem thường pháp luật, không ăn năn hối cải; các bị cáo N1, M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới so với cấp sơ thẩm nên đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo N1, M và Tuấn A1, giữ nguyên hình phạt

- *Luật sư Võ Tấn L là người bào chữa cho bị cáo N2 nêu quan điểm:*

Thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị xem xét của vị đại diện Viện kiểm sát đã

nêu. Ngoài ra, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết như: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là mẹ đơn thân nuôi con nhỏ, bị cáo đang trong thời gian điều trị bệnh lao và bệnh HIV. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N2, xử phạt bị cáo bằng thời hạn tạm giam để trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa, để bị cáo có điều kiện trị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trình tự: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu cụ thể:

Từ 14 giờ đến khoảng 15 giờ ngày 22-4-2020, tại căn hộ A2.07.07 chung cư Sơn An (thuộc khu phố 3, phường Tam Hòa, thành phố B, tỉnh Đồng Nai), các bị cáo Nguyễn Thị Phương A, Nguyễn Tuấn A1 và Trần V1 rủ nhau hùn tiền làm cái (mỗi người hùn 15.000.000đ) đánh bạc với các con bạc gồm: Lê Đức T (11.091.000đ), Vũ Thanh V2 (500.000đ), Trần Văn T2 (500.000đ), Sú A K (200.000đ) và một số người khác thắng thua bằng tiền. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc trong giai đoạn này là 57.291.000đ (Năm mươi bảy triệu hai trăm chín mươi một nghìn đồng).

Từ 15 giờ đến 16 giờ, cũng tại căn hộ nêu trên, các bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Hoàng N cùng nhau làm cái đánh bạc với các con bạc gồm: Trần Tuấn N1 (10.000.000đ), Lê Đức T (12.091.000đ), Nguyễn Thị Tuyết M (2.051.000đ), Trần Thị N2 (550.000đ), Phan Thị V (260.000đ) và một số người khác) thắng thua bằng tiền. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc giai đoạn này là 131.076.000đ (Một trăm ba mươi một triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Với hành vi phạm tội nêu trên các bị cáo Nguyễn Văn H và đồng phạm đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Đánh bạc” theo quy định Điều 321 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, trong đó các bị cáo

Nguyễn Văn H, Trần Hoàng N (ca 2), Nguyễn Thị Phương A, Trần V1 và Nguyễn Tuấn A1 (ca 1) đã bàn bạc thỏa thuận hùn tiền với nhau để thay phiên nhau (thay ca) làm cái “Đánh bạc” ăn tiền với một số con bạc khác. Số tiền các bị cáo dùng vào việc “Đánh bạc” bị phát hiện thu giữ từ 47.000.000đ đến 131.000.000đ và số người tham gia đánh bạc từ 06 người đến 12 người là nghiêm trọng. Đã phạm vào tình tiết định khung quy định tại điểm b “tiền và hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên” khoản 2 Điều 321 BLHS 2015. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo mức án từ 1 năm 4 tháng tù đến 5 năm tù là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, HĐXX phúc thẩm nhận thấy:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Trần Tuấn N1 có vợ là Nguyễn Thị Thu H nhưng đã mất năm 2013, bị cáo đang trực tiếp nuôi con nhỏ (sinh năm 2011), bố mẹ đã lớn tuổi và là lao động chính trong gia đình; bị cáo Nguyễn Văn H cung cấp đơn có xác nhận của chính quyền địa phương, thể hiện bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, có cha lớn tuổi thường xuyên đau ốm, vợ bị cáo không có việc làm, bị cáo có con nhỏ, là lao động chính trong gia đình; Bị cáo Trần Hoàng N cung cấp đơn có xác nhận của chính quyền địa phương, thể hiện bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo có 03 con nhỏ (bị cáo đã ly hôn với vợ), có mẹ lớn tuổi thường xuyên đau ốm, bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo Phan Thị V tham gia “đánh bạc” với số tiền không lớn (260.000đ). Với các tình tiết mới nêu trên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo H, N, N1 và bị cáo V nhằm tạo điều kiện để các bị cáo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng, có thể chăm sóc, nuôi dưỡng con nhỏ và phụng dưỡng cha mẹ già thể hiện tinh thần nhân đạo của pháp luật đối với người đã biết ăn năn hối cải.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Phương A, HĐXX nhận thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo là nữ, lại đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, là người có nhân thân tốt (chưa tiền án, tiền sự); tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp đơn có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đã ly hôn và đang là lao động chính, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên HĐXX

xem xét áp dụng Điều 65 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục là cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M: Bị cáo có nhân thân xấu (năm 2017, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 20.000.000đ về tội “Đánh bạc” nhưng bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích) nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 1 năm 6 tháng tù là thỏa đáng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hạn chế về nhận thức (trình độ học vấn 5/12), có 03 con còn nhỏ; Bị cáo là nữ, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền không lớn (2.051.000đ). Do vậy, HĐXX xem xét xử phạt “Cải tạo không giam giữ” đối với bị cáo (bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam 09 ngày từ ngày 22/4/2020 cho đến hết ngày 01/5/2020) và giao bị cáo cho địa phương nơi bị cáo cư trú, kết hợp với gia đình bị cáo để quản lý bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt “cải tạo không giam giữ”.

Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Thị N2: Trong thời gian được tại ngoại điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Trần Thị N2 lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc và đã bị Tòa án nhân dân quận G thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “đánh bạc” (bản án số 173/2020/HSST ngày 29/10/2020), bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của bản án này vào ngày 20/12/2020. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp đơn xin cứu xét, giấy xác nhận và hồ sơ bệnh án thể hiện bị cáo đang điều trị bệnh lao kháng thuốc và HIV, HĐXX nhận thấy bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của Bản án số 173/2020/HSST của Tòa án nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh và đang bị tạm giam tính đến nay là 05 tháng 10 ngày (không tính thời gian chấp hành bản án 173) là cũng răn đe, do đó HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo, xử phạt bị cáo mức án bằng thời gian tạm giam tạo điều kiện để bị cáo có thời gian điều trị bệnh, thể hiện sự khoan hồng của Pháp luật nhà nước ta.

Đối với bị cáo Nguyễn Tuấn A1: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Tuấn A1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng trong quá trình xét xử phúc thẩm được tại ngoại (cắm đi khỏi nơi cư trú) bị cáo tiếp tục phạm tội mới và đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V tạm giam để điều tra, xử lý cho thấy bị cáo không ăn năn hối cải nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Lê Đức T tuy không có kháng cáo và không bị kháng nghị. Nhưng HĐXX phúc thẩm nhận thấy: Bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm (không phải là người rủ rê, lôi kéo), bị cáo có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự), số tiền “đánh bạc” của bị cáo là 11.091.000đ, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù và phạt bổ sung số tiền 30.000.000đ là có phần nghiêm. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, HĐXX phúc thẩm xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo N2 tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Do kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M, Trần Tuấn N1, Nguyễn Thị Phương A, Nguyễn Văn H, Phan Thị V, Trần Hoàng N và Trần Thị N2 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tuấn A1 không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm c, đ, e khoản 1, khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tuấn A1; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M, Trần Tuấn N1, Nguyễn Thị Phương A, Nguyễn Văn H, Phan Thị V, Trần Hoàng N, Trần Thị N2, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 727/2020/HS-ST ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B.

[2] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS 2015 đối với bị cáo Trần Hoàng N và Phan Thị V; Áp dụng thêm điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, **Điều 65 BLHS** và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án

nhân dân Tối cao đối với bị cáo Nguyễn Thị Phương A; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Hoàng N, Trần Tuấn N1, Nguyễn Thị Tuyết M, Trần Thị N2, Phan Thị V và Lê Đức T; Áp dụng thêm Điều 36 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M)

- Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Văn H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/04/2020 đến ngày 09/06/2020.

- Xử phạt: bị cáo **Trần Hoàng N 03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 22/04/2020.

- Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thị Phương A 02(hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời hạn thử thách là **05 (năm) năm** tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Phương A cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai quản lý, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm N1 vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Tuấn A1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2021 được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 22/04/2020 đến ngày 09/06/2020.

- Xử phạt: bị cáo **Trần Tuấn N1 01 (một) năm 22 (hai mươi hai) ngày tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 22/04/2020 đến ngày 14/5/2021. (bị cáo đã chấp hành xong).

- Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thị Tuyết M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng** cải tạo không giam giữ, nhưng trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 27 (hai mươi bảy) ngày (từ ngày 22/4/2020 cho đến hết ngày 01/5/2020). Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại của bị cáo phải chấp hành là **01 (một) năm 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày** tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt: bị cáo **Trần Thị N2 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày tù**. Thời

hạn tù tính từ ngày 20/12/2020 đến ngày 14/5/2021 (04 (bốn) tháng 06 (sáu) ngày trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 22/04/2020 đến ngày 01/5/2020 (09 (chín) ngày). (bị cáo đã chấp hành xong).

- Xử phạt: bị cáo **Phan Thị V 08 (tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/04/2020 đến ngày 01/05/2020.

- Xử phạt: bị cáo **Lê Đức T 02 (Hai) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 22/04/2020.

Các bị cáo đều bị xử phạt về tội “Đánh bạc”.

[3] Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bổ sung các bị cáo:

- Nguyễn Văn H 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).
- Trần Hoàng N 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).
- Nguyễn Thị Phương A 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)
- Nguyễn Tuấn A1 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
- Lê Đức T 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
- Trần Tuấn N1 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).
- Nguyễn Thị Tuyết M 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

[4] Căn cứ Khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên bố trả tự do cho các bị cáo Trần Tuấn N1 và Trần Thị N2 ngay tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[5] Biện pháp tư pháp: Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M.

[6] Về án phí:

- Các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M, Trần Tuấn N1, Nguyễn Thị Phương A, Nguyễn Văn H, Phan Thị V, Trần Hoàng N, Trần Thị N2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Tuấn A1 phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị (trừ bị cáo Lê Đức T) có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND thành phố B (2);
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Phòng PV06 CA tỉnh Đồng Nai;
- Trại giam - Bị cáo;
- Lưu HS (3).

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Hương